

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29/01/2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH Đ**

**-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đồng Thị Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – CB hưu trí.

Ông Nguyễn Trung Diễn – CB hưu trí.

**- Th ký phiên tòa:** Bà Thành Thị Thu Trang – Th ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quốc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1965/2020/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 308/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1982.

- Bị đơn: Ông Trịnh Quang V, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: 62/4, khu phố 1, phường Tân Hoà, thành phố B, tỉnh Đ.

(Bà Á có đơn xin xét xử vắng mặt; ông V vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Á trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trịnh Quang V tự nguyện **chung** sống với nhau, tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Hoà, thành phố B năm 2005 được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05/KTTH, ngày 11/01/2005, hôn nhân của cả hai là tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng Thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cả hai đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp trong tất cả mọi vấn đề hàng ngày, bà và ông V đã ly thân với nhau nhiều năm nay. Nay nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà dành cho

ông V không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, cũng như mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà làm đơn xin ly hôn với ông V.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông V có hai người con chung là các cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 09/4/2005 và cháu Trịnh Ngọc B Th, sinh ngày 20/9/2012. Sau khi ly hôn, bà xin được nuôi dưỡng cháu Trịnh Gia B, giao cháu Trịnh Ngọc B Th cho ông V nuôi dưỡng vì hiện tại cháu Th đang sống chung với ông V. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà Á khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Á khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Trịnh Quang V vắng mặt*: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông V vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

\* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ phát biểu quan điểm*:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Á. Giao cháu cháu Trịnh Ngọc B Th, sinh ngày 20/9/2012 cho ông Trịnh Quang V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Gia B cho bà Á trực tiếp chăm sóc giáo dục. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do không lấy được lời khai của ông V và bà Á cũng không có yêu cầu nên không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Á phải chịu án phí theo quy định pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Á nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với Ông Trịnh Quang V, sinh năm 1980; có địa chỉ: 62/4, khu phố 1, phường Tân Hoà, thành phố B, tỉnh Đ. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

[1.2]. Về thủ tục tổng đạt: Qua nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bà Nguyễn Thị Á cung cấp bản tự khai và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; Ông Trịnh Quang V mặc dù đã được Tòa án vận động cũng như triệu tập hợp lệ nhiều lần lên làm việc nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt bà Á và ông V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Á và ông Trịnh Quang V tự nguyện **chung** sống với nhau, tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND

phường Tân Hoà, thành phố B năm 2005 được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 05/KTTH, ngày 11/01/2005, hôn nhân của cả hai là tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ chồng Thông xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, cả hai đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp trong tất cả mọi vấn đề hàng ngày, bà Á và ông V đã ly thân với nhau nhiều năm nay. Nay nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà Á dành cho ông V không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, cũng như mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Á làm đơn xin ly hôn với ông V. Xét thấy, hiện nay bà Á xác định vợ chồng đã ly thân từ năm nhiều năm nay, không còn sống chung nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Toà án vận động lên làm việc cũng như hòa giải nhiều lần nhưng bà Á vẫn kiên quyết xin ly hôn với ông V; Còn về phía ông V thì mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, cũng như không thể hiện quan điểm của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Á. Điều này cho thấy ông V cũng không còn quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không cố gắng hàn gắn, đoàn tụ để duy trì cuộc sống hôn nhân với bà Á. Như vậy, cho thấy mâu thuẫn giữa bà Á với ông V là có thật trên thực tế và mâu thuẫn vợ chồng cũng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được như bà Á khai, cả hai đều không tìm cách hàn gắn quan hệ vợ chồng, không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng cũng không còn, phù hợp với nội dung xác minh tại địa phương nơi các đương sự đang cư trú. Do vậy, việc bà Nguyễn Thị Á xin ly hôn với ông Trịnh Quang V là hoàn toàn có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Á và ông Trịnh Quang V có hai người con là các cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 09/4/2005 và cháu Trịnh Ngọc B Th, sinh ngày 20/9/2012. Hiện nay, theo xác minh của Công an phường Tân Hoà, thành phố B thì cháu B Th hiện đang sinh sống với ông V và do ông V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Còn cháu Trịnh Giao B đang ở với bà Nguyễn Thị Á. Sau khi ly hôn, bà Á xin được nuôi dưỡng cháu B, giao cháu B Th cho ông V nuôi dưỡng. Xét yêu cầu này là phù hợp với tình hình thực tế cũng như nguyện vọng của hai cháu Th và Gia B trong quá trình Toà án Biên Hoà lấy lời khai. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Á cũng không có yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà Á trình bày là các bên không có tài sản chung; Còn nợ chung xác định cũng không có nợ chung. Tuy nhiên, do chưa có ý kiến của ông V về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có tranh chấp, các bên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Á phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Á. Bà Nguyễn Thị Á được ly hôn với ông Trịnh Quang V.

- Về con chung: Giao cháu cháu Trịnh Ngọc B Th, sinh ngày 20/9/2012 cho ông Trịnh Quang V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 09/4/2005 cho bà Nguyễn Thị Á trực tiếp chăm sóc và giáo dục. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Á không có yêu cầu. Vì không trực tiếp nuôi con chung còn lại, nên bà Nguyễn Thị Á và ông Trịnh Quang V được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, do bà Nguyễn Thị Á khai không có và ông Trịnh Quang V cũng không ghi nhận được ý kiến, nếu sau này có tranh chấp, các bên sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Á phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006629 ngày 11/09/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà Nguyễn Thị Á đã nộp xong.

- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Á và ông Trịnh Quang V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.B;
- THA dân sự ;
- Đường sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

**Đồng Thị Hồng**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

